

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/DS-ST
Ngày: 08-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khắc Hòa;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 387/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; cư trú tại: Tổ 10, ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.
2. *Bị đơn:* Chị Trà Thị Mộng C, sinh năm 1987; cư trú tại: Tổ 04, ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 24/7/2018, chị Trà Thị Mộng C vay của bà số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận phương thức trả nợ mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng, bắt đầu từ ngày 24/8/2018 đến ngày 24/9/2019, thời gian trả là ngày 24 hàng tháng.

Bà và chị C có lập thành văn bản là “Giấy mượn nợ” ghi ngày 24/7/2018 thỏa thuận số tiền vay, kỳ hạn trả nợ. Mục đích chị C vay tiền để buôn bán mở quán ăn. Chữ viết, chữ ký, dấu vân tay trên “Giấy mượn nợ” do chị C viết, ký tên và lấn tay. Sau khi vay tiền, chị Trà Thị Mộng C không đóng lãi, trả nợ gốc cho bà số tiền nào. Nay bà yêu cầu chị Trà Thị Mộng C có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và yêu cầu tính tiền lãi mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày vay 24/7/2018 đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trà Thị Mộng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị C vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu chị Trà Thị Mộng C có nghĩa vụ trả số tiền gốc 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng; bà thay đổi yêu cầu tính lãi, yêu cầu chị C trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 24/8/2018 đến ngày 08/4/2021. Bị đơn chị Trà Thị Mộng C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thông báo thụ lý vụ án và gửi thông báo cho Viện kiểm sát, các đương sự theo đúng quy định tại Điều 195 và 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tổng đạt giấy mời, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp, hòa giải cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 171, 173, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu các đương sự giao nộp chứng cứ, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 94, 95, 96, 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trà Thị Mộng C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị C là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ chứng cứ các đương sự cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, phân tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy tại giấy mượn tiền do chị Trà Thị Mộng C viết thể hiện chị C có vay tiền của bà L số tiền 70.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả 5.000.000 đồng kể từ ngày 24/7/2018 cho đến khi hết nợ, lãi suất các bên sẽ thỏa thuận sau (BL số 34). Việc chị C vay tiền của bà L là có thật, nên buộc chị Trà Thị Mộng C trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 24/8/2018, chị C mới vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị C phải chịu lãi

suất 0,83%/tháng tính từ ngày 24/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án 08/4/2021. Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc chị Trà Thị Mộng C trả cho bà L số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng tính từ ngày 24/8/2018 đến ngày 08/4/2021.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trà Thị Mộng C chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện chị Trà Thị Mộng C, cư trú tại tổ 04, ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh yêu cầu trả số tiền vay 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về tố tụng:

Chị Trà Thị Mộng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị C.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu chị Trà Thị Mộng C có nghĩa vụ trả số tiền vay 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của chị Trà Thị Mộng C theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng vay tài sản nhưng chị C thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho bà L biết về nơi cư trú mới nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về địa chỉ nơi cư trú của chị C xác định chị C vắng mặt nơi cư trú tại tổ 04, ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh khoảng 01 năm, không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng cho chị C. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Trà Thị Mộng C để giao nộp văn bản

ghi ý kiến, cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị C vắng mặt không có lý do; chị C có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh nhưng không đưa ra được chứng cứ. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ việc dân sự. Chị Trà Thị Mộng C phải chịu hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gồm 01 (một) “Giấy mượn nợ” ghi ngày 24/7/2018, nội dung giấy mượn nợ thể hiện bên cho vay bà Nguyễn Thị L, bên vay chị Trà Thị Mộng C, số tiền vay 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, kỳ hạn vay 14 tháng, phương thức trả nợ mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng từ ngày 24/7/2018, tại vị trí người mượn và viết giấy có chữ ký, chữ viết họ tên “Trà Thị Mộng C” và dấu vân tay. Lời trình bày của bà L phù hợp với các tài liệu, chứng cứ bà L cung cấp, giao nộp cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định giao dịch dân sự giữa bà L và chị C là hợp đồng vay tài sản không có lãi, có kỳ hạn.

Chị Trà Thị Mộng C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay về kỳ hạn trả nợ, địa điểm trả nợ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ “Giấy mượn nợ” ghi ngày 24/7/2018 do bà Nguyễn Thị L cung cấp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc chị Trà Thị Mộng C có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

[3.2] Yêu cầu tính lãi: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu tính tiền lãi số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 24/8/2018 đến khi giải quyết xong vụ án. “Giấy mượn nợ” ngày 24/7/2018 bà L cung cấp có nội dung “...còn phần lời lãi tính sau...”. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L thừa nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà và chị C không thỏa thuận lãi suất vay, số tiền lãi và thời gian trả lãi. Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà L và chị C là hợp đồng vay không có lãi, có kỳ hạn. Căn cứ khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định “...Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác...”. Bà L và chị C thỏa thuận kỳ hạn trả nợ 14 tháng, phương thức trả nợ mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng từ ngày 24/8/2018 đến ngày 24/9/2019, thời gian trả ngày 24 hàng tháng. Bị đơn chị Trà Thị Mộng C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 24/8/2018 đến nay nên bà L yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 24/8/2018 là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị C phải có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, cụ thể: Ngày 24/8/2018 đến ngày 08/4/2021 số tiền: 70.000.000 đồng x 0,83% x 32 tháng 15 ngày = 18.882.000 (mười tám triệu tám trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc chị Trà Thị Mộng C có nghĩa vụ trả số tiền vay 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi 18.882.000 (mười tám triệu tám trăm tám mươi hai nghìn) đồng, tổng cộng 88.882.000 (tám mươi tám triệu tám trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chị Trà Thị Mộng C phải chịu 88.882.000 đồng x 5% = 4.444.000 (bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với chị Trà Thị Mộng C về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc chị Trà Thị Mộng C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, tiền lãi 18.882.000 (mười tám triệu tám trăm tám mươi hai nghìn) đồng, tổng cộng 88.882.000 (tám mươi tám triệu tám trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trà Thị Mộng C không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng chị C còn phải trả cho bà L tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trà Thị Mộng C phải chịu 4.444.000 (bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004638 ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trà Thị Mộng C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ này nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Hải